TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2025/DS-PT
Ngày: 06-3-2025
V/v tranh chấp: "Họp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu

Ông Võ Thanh Bình

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 02 và 06 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp " *Hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 105/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968(có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Trong đơn khởi kiện ngày 08-5-2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Vào ngày 09-4-2023 âm lịch, bà có cho bà T vay số tiền 97.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 03 tháng, sau khi vay, bà T không trả tiền vốn và

tiền lãi cho bà, tính theo mức lãi suất 1,66%/tháng thì bà T thiếu bà số tiền lãi là 18.000.000 đồng.

Ngày 12-11-2023 âm lịch, bà cho bà T vay tiếp số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Sau khi vay, bà T cũng không trả tiền vốn và tiền lãi cho bà, tính theo mức lãi suất 1,66%/tháng thì bà T thiếu bà số tiền lãi là 3.400.000 đồng.

Bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền vốn của 02 lần vay là 157.000.000 đồng và tiền lãi là 21.400.000 đồng, tổng cộng là 178.400.000 đồng.

**Tại biên bản Tòa án hòa giải ngày 31-5-2024, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà không có vay tiền của bà Nguyễn Thị M. Về 02 biên nhận của bà M nộp cho Toà án, bà nhận thấy chữ ký trong 02 biên nhận không phải là chữ ký của bà, bà yêu cầu giám định chữ ký trong 02 biên nhận. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 105/2024/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Các điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 178.400.000 đồng (*một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).*

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09 tháng 10 năm 2024, bị đơn Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 105/2024/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện và không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: bà T kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh, các biên nhận bà M làm căn cứ khởi kiện đã được trưng cầu giám định và xác định là chữ ký, chữ viết của bà T nên yêu cầu kháng cáo của bà T không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 105/2024/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của các bị đơn, lời trình bày của các đương sự, Luật sư và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T trả số tiền 157.000.000 đồng vốn và 21.400.000 đồng, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp " *Hợp đồng vay tài sản"* và thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 27/9/2024 Tòa án nhân dân huyện T xét xử vụ án, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 09/10/2024 bị đơn kháng cáo bản án là trong hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Các đương sự tranh chấp là số nợ 157.000.000 đồng vốn, và lãi phát sinh, căn cứ phía nguyên đơn khởi kiện là biên nhận nợ lập ngày 09/4/2023 âm lịch số tiền 97.000.000 đồng và biên nhận nợ ngày 12/11/2023 âm lịch số tiền 60.000.000 đồng, phía bà T cho rằng không vay tiền của bà M, chữ ký, chữ viết trong 02 biên nhận không phải của bà.

Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã trưng cầu giám định tại Phân viện Khoa học hình sự - Bộ C tại thành phố Hồ Chí Minh đối với 02 biên nhận mà bà M cung cấp, tại kết luận số 4514/KL-KTHS ngày 28/8/2024 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ C tại thành phố Hồ Chí Minh đã xác định chữ ký, chữ viết trong 02 biên nhận nợ là của bà T, cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là có căn cứ.

Có đủ căn cứ xác định bà T nợ bà M theo 02 biên nhận nợ đã nêu trên, đây là khoản vay, bà T không thanh toán đúng hạn theo thỏa thuận nên bà M yêu cầu tính lãi là có căn cứ, mức lãi suất mà bà M yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tính từ ngày lập 02 biên nhận đến khi xét xử sơ thẩm thì số lãi vượt xa số lãi mà bà M yêu cầu, tuy nhiên đây là quyền định đoạt của đương sự, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét lại.

Đối với yêu cầu kháng cáo và ý kiến của bị đơn cho rằng chữ ký, chữ viết trong 02 biên nhận không phải của bà T, xét thấy như nhận định trên chữ ký chữ viết trong 02 biên nhận nợ mà bà M làm căn cứ khởi kiện đã có kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và xác định là của bà T, cho nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo của bà T không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 105/2024/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 463, 466, 468, 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 178.400.000 đồng (*một trăm bảy mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã nộp xong theo biên lai số 0003589 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T xem như bà Nguyễn Thị T đã thực hiện xong phần án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thái Dũng